

NGHỊ QUYẾT
(Kỳ họp HĐQT Quý I/2018)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được bổ sung sửa đổi ngày 27/4/2017;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 23/01/2018 đã được các thành viên dự họp nhất trí thông qua;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 thống nhất thông qua các nội dung sau:

I. THÔNG QUA BÁO CÁO THỰC HIỆN SXKD QUÝ IV VÀ KHSXKD NĂM 2017:

1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD quý IV/2017:

T T	Nội dung	ĐVT	KHSXKD quý IV	Thực hiện quý IV	Tỷ lệ % HT
A	Kế hoạch SXKD				
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	390.525	145.599	37
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	371.012	132.506	35
2	Giá trị SX công nghiệp	"	13.012	11.259	86
3	Giá trị kinh doanh khác	"	6.500	1.834	28
II	Kế hoạch tài chính	"			
1	Doanh số	"	336.870	200.426	59
2	Doanh thu	"	314.284	191.252	60
3	Tiền về tài khoản	"	313.289	186.396	59
4	Nộp Ngân sách	"	9.626	10.824	112
5	Lợi nhuận	"			
	Lợi nhuận trước thuế	"	10.179	10.136	100
	Lợi nhuận sau thuế	"	8.143	7.208	88
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	3,2	5,3	165
-	LN sau thuế/ VCSH	%	1,3	1,1	85
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,6	0,5	82
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	639.231	638.424	100
8	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340	342.340	100
9	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.476.250	1.472.033	100
10	Nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,31	1,31	100



T T	Nội dung	ĐVT	KHSXKD quý IV	Thực hiện quý IV	Tỷ lệ % HT
III	Lao động tiền lương				
1	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	1.260	1.226	100
2	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	10.848	9.470	90
B	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	131.913	78.064	59
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	93.406	78.064	83
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ	38.507		

2. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2017		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
A	Kế hoạch SXKD				
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	926.000	685.496	74
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	874.617	578.699	66
2	Giá trị SX công nghiệp	“	44.382	51.189	115
3	Giá trị kinh doanh khác	“	7.000	55.608	278
II	Kế hoạch tài chính				
1	Doanh thu	“	835.519	746.137	89
2	Nộp Ngân sách	“	63.786	29.187	46
3	Tiền về tài khoản	“	876.128	708.540	81
4	Lợi nhuận trước thuế	“	50.000	50.240	100
5	Lợi nhuận sau thuế	“	40.000	41.549	104
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	<i>LN trước thuế/ Doanh thu</i>	%	6,0	6,7	113
-	<i>LN sau thuế/ VDL (Công ty mẹ)</i>	%	11,7	12,1	104
-	<i>LN sau thuế/ VCSH</i>	%	6,3	6,5	104
-	<i>LN sau thuế/Tổng tài sản</i>	%	2,2	2,8	127
7	Nợ phải trả	10 ⁶ đ	1.226.566	833.608	68
8	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	636.875	638.424	100
9	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340	342.340	100
10	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.863.441	1.472.033	79
11	Nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,93	1,31	68
12	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%	10	10	100
III	Lao động tiền lương				
1	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	1.450	1.226	85
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁶ đ	129.640	124.164	96
3	Tổng thu nhập	10 ⁶ đ	132.640	127.824	96
4	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	7.623	8.688	106
B	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	379.466	172.527	45
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	314.982	172.527	54
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ	64.484		

II. THÔNG QUA KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ QUÝ I/2018

1. Các chỉ tiêu kinh tế

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	
			Quý I	Năm 2018
A	Kế hoạch SXKD			
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	212.029	905.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	192.795	817.364
2	Giá trị SX công nghiệp	"	12.162	54.136
3	Giá trị kinh doanh khác	"	7.071	33.500
II	Kế hoạch tài chính			
1	Doanh thu	"	191.515	831.908
2	Nộp Ngân sách	"	7.923	38.721
3	Tiền về tài khoản	"	244.729	969.102
4	Lợi nhuận trước thuế	"	7.700	50.000
5	Lợi nhuận sau thuế	"	6.160	42.570
6	Tỷ suất lợi nhuận			
-	<i>LN trước thuế/ Doanh thu</i>	%	4,0	6,0
	<i>LN sau thuế/ VDL (Công ty mẹ)</i>	%	1,8	12,4
-	<i>LN sau thuế/ VCSH</i>	%	1,4	6,6
-	<i>LN sau thuế/Tổng tài sản</i>	%	0,5	2,5
7	Nợ phải trả	10 ⁶ đ	883.758	1.055.238
8	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	644.584	643.341
9	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340	342.340
10	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.528.343	1.698.579
11	Nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,37	1,64
12	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%		10
III	Lao động tiền lương			
1	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	1.260	1.290
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁶ đ	33.924	156.565
3	Tổng thu nhập	10 ⁶ đ	33.924	158.065
4	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	8.975	10.211
B	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ	109.292	438.524
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	72.189	351.421
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ	37.102	87.102

2. Mục tiêu, tiến độ các công trình quý I năm 2018:

3.1. Thủy điện Nậm Nghiệp1: Đồ bê tông RCC đập chính đến cao trình 300 phạm vi bờ trái, khối lượng: 170.000m³.

3.2. Thủy điện Nậm Thuen 1: Tổng khối lượng đào đất đá: 442.100m³, trong đó:

10884
CÔNG
CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP
TULIÊM

Hoàn thành hồ móng nhà máy thi công trước 28/2/2018, khối lượng đào, xúc chuyển đất đá: 72.000m³; Hoàn thành thi công cửa nhận nước trước 28/2/2018, khối lượng đào đất đá: 65.262m³; Đào đất đá hồ móng đập dâng vai trái đến cao trình 168, khối lượng: 274.800m³.

- 3.3. Thủy điện PaKe: Tổng khối lượng thi công bê tông: 21.217m³, đào đất đá: 27.000m³ trong đó: Hoàn thành xử lý khối sạt VH2 khối lượng đào đất đá: 21.808m³, gia cố mái: 12.000m²; Hoàn thành thi công hồ móng đập dâng bờ phải giai đoạn 2 trước 15/1/2018, khối lượng: 2.800m³, đổ bê tông đập dâng bờ phải: 2.500m³, gia cố mái: 3.000m²; Đập dâng bờ trái: Triển khai thi công từ đầu tháng 1/2018, khối lượng thi công quý I: bê tông: 2000m³, hoàn thành công tác khoan phụ gia cố chống thấm khối lượng 720m; Đổ bê tông đập tràn, cống xả cát, cống xả rác, trụ pin: 5.400m³; Cửa nhận nước: Khối lượng thi công quý I/2018: Bê tông: 6.500m³, lắp đặt đường ống áp lực: 50tấn; Nhà máy: Hoàn thành thi công hồ móng nhà máy trước 15/1/2018, khối lượng đào đất đá: 6.800m³; Hoàn thành thi công bê tông tường chắn đất trước 05/1/2018, khối lượng 378m³, bê tông tường phân dòng trước: 20/1/2018 khối lượng 736m³, hoàn thành bê tông bản đáy trước 31/1/2018, khối lượng: 703m³; Đổ bê tông tường hạ lưu và tường nhà máy: 3.000m³.
- 3.4. Thủy điện Tân Thượng: Tổng khối lượng thi công quý I: đào đất đá: 138.000m³, bê tông: 11.600m³; Cụm đầu mối: Hoàn thành đắp đê quây giai đoạn 2 trước 31/01/2018, hoàn thành đào hồ móng phạm vi bờ trái trước 10/02/2018, khối lượng đào đất đá: 18.400, đắp đất đá: 6.360m³, Hoàn thành thi công bê tông bản đáy khối lượng: 1.519m³, bê tông tường, trụ pin: 1.300m³. Hoàn thành thi công hồ móng nhà máy trước 20/1/2018, khối lượng đào đá: 23.600m³. Kênh xả: Khối lượng đào đất đá: 42.900m³, bê tông nền, phun vẩy: 250m³. Kênh dẫn nước: Đào đất đá là 72.000m³, đắp đất bờ kênh: 7.500m³, bê tông kênh dẫn: 2.400m³.
- 3.5. Thủy điện Sơn Giang: Tổng khối lượng thi công chính: Đào đất đá: 78.800m³, bê tông: 5.300m³, đắp đất đá: 40.000m. Trong đó: Cống lấy nước kênh dẫn đoạn 1: Hoàn thành thi công bê tông cống lấy nước trước 31/1/2018, khối lượng: 650m³, đắp đất đá: 6.950m³; Kênh dẫn đoạn 2: Đào đất đá: 78.000m³, đắp đất bờ kênh: 40.000m³, bê tông mái kênh: 3.500m³ (1400md), đắp đường vận hành: 6.000m³, Hoàn thành thi công 03 cống tiêu trước 31/3/2017, khối lượng bê tông: 628m³
- 3.6. Nhiệt điện Long Phú: Tổng khối lượng thi công: đào đất: 59.000m³, đắp đất, cát: 20.000m³, trong đó: Tuyến đê bao: Hoàn thành thi công bóc phủ hữu cơ và hạ nền đập, khối lượng đào đất: 24.000m³, đắp cát xử lý nền: 10.000m³, vải địa kỹ thuật: 16.000m². Lòng bãi xỉ: Đào đất bóc phủ và hạ nền lòng bãi khối lượng: 35.000m³, đắp đất lòng bãi xỉ: 10.000m³.
- 3.7. Gói thầu F2 – Cải tạo kênh: Hoàn thiện các thủ tục để khởi công từ cuối tháng 1/2018, khối lượng dự kiến thực hiện trong quý I: Đào đất: 15.000m³, đắp đất: 5.000m³, vải địa kỹ thuật: 3.000m²
- 3.8. Hoàn nguyên mỏ đá 1B – Thủy điện Lai Châu: Triển khai thi công và hoàn thành trước 25/1/2018, khối lượng đắp đá: 4.800m³, đắp đất đá hỗn hợp: 39.000m³,

- đắp đất trồng cây: 15.200m³, trồng cây: 17.500m².
- 3.9. Công trình dự kiến triển khai: Dự án Nậm Thuen 1 triển khai và hoàn thành thi công đắp đê quây hạ lưu trong tháng 3/2018 bằng vật liệu CGS, khối lượng: 24.000m³.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018

1. Chỉ đạo hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế, tài chính năm 2018 và khắc phục các tồn tại của năm 2017: về thực hiện công tác đầu tư, tiến độ thi công, công tác an toàn.. và công tác báo cáo kịp thời đúng quy định;
2. Tập trung đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:
 - Xây dựng chiến lược phát triển công ty: Xác định tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược của Công ty để đơn vị phát triển mạnh trong cơ chế thị trường là doanh nghiệp uy tín và cạnh tranh.
 - Tái cấu trúc về tài chính: Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, nâng cao năng xuất lao động, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, năng động có tính cạnh tranh cao, tái cơ cấu về đầu tư và thoái vốn các khoản đầu tư tài chính để tăng nguồn lực tài chính.
 - Tái cấu trúc quản trị công ty: Xây dựng mô hình bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt phù hợp với công việc và đạt hiệu quả SXKD. Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và công nghệ thông tin vào quản lý và quản trị công ty.
 - Tái cấu trúc về nhân lực: Đào tạo, thu hút lực lượng cán bộ giỏi, công nhân có tay nghề... và đảm bảo sử dụng nguồn lực hợp lý. Cơ cấu lại các bộ phận, nhân sự nhằm đảm bảo tính hiệu quả phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của công ty. Tái cơ cấu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giúp đơn vị bắt kịp với những thay đổi trên thị trường, tạo nền tảng phát triển vững chắc.
3. Thực hiện công tác đầu tư đúng quy định, trình tự, thủ tục, thực hiện thắng lợi chống lũ năm 2018 dự án thủy điện Pa Ke; Hoàn thiện xong các thủ tục đầu tư để triển khai dự án Nậm Khánh B cuối năm 2018.
4. Tập trung thu hồi vốn, thu hồi công nợ khó đòi, giảm thiểu rủi ro về tài chính.
5. Cân đối vốn trả nợ ngân hàng, thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh
6. Đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, tăng uy tín của Công ty, đảm bảo đủ việc làm cho năm 2018 và các năm tiếp theo.
7. Quản lý sửa chữa xe máy thiết bị, đảm bảo xe máy hoạt động hiệu quả, hệ số sử dụng cao; xây dựng và triển khai sửa chữa lớn toàn công ty năm 2018;
8. Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, tài liệu chuẩn bị kiểm toán nhà nước.
9. Rà soát sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các quy chế quy định, quản lý nội bộ đảm bảo đúng luật và Điều lệ của Công ty, quản lý chặt chẽ và áp dụng vào thực tiễn đạt hiệu quả.
10. Phân tích hoạt động kinh tế các đơn vị, kiểm soát rủi ro; quản lý chặt chẽ các hợp đồng ký kết, định kỳ hàng quý, 6 tháng phân tích nguyên nhân và báo cáo Hội đồng quản trị.
11. Đảm bảo chế độ cho người lao động trong công ty, trả lương, thuế, BHXH kịp thời đúng quy định.



IV. CÁC NỘI DUNG KHÁC:

1. Thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông công ty năm 2018 và giao Tổng giám đốc công ty chỉ đạo các Phòng ban hoàn tất các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và báo cáo Hội đồng quản trị công ty trước 25/02/2018.
2. Phê duyệt phụ lục hợp đồng thuê Tổng giám đốc điều hành năm 2018.
3. Thông qua chương trình công tác của Hội đồng quản trị công ty năm 2018

Điều 2. Hội đồng quản trị công ty giao cho Tổng giám đốc công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Điều 3. Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ký, Tổng giám đốc công ty cổ phần Sông Đà 9, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng các phòng ban Công ty theo theo thẩm quyền căn cứ quyết nghị thực hiện.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

Ông: *Trần Thế Quang*.....

Ông: *Lê Công Tinh*.....

Ông: *Nguyễn Văn Đại*.....

Ông: *Nguyễn Gia Hân*.....

